

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 3 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và anh C có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P và được cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2017. Vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng tháng 4/2020 đến nay do mâu thuẫn, sống chung không hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 người con chung là Phạm Trọng T1, sinh ngày 27/3/2018, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với lời khai của chị T về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có một người con chung như chị T trình bày là đúng. Anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị T được ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Trọng T1, sinh ngày 27/3/2018 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C, anh C đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị T và anh C có đơn đề nghị Tòa án xét

xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị T và anh C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện sống chung từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị T và anh C đã ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị T và anh C không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, nay chị T yêu cầu ly hôn, anh C đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Chị T và anh C thống nhất có một người con chung là Phạm Trọng T1, sinh ngày 27/3/2018, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh C đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Phạm Trọng T1, sinh ngày 27/3/2018 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị T xác định đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc T ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trọng T1, sinh ngày 27/3/2018 cho chị Trần Thị Ngọc T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004985 ngày 20/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Phạm Văn C không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly